

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2023/HNGĐ- ST

Ngày 29/12/2023

V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chính .

Bà Đỗ Thị Hoài Mơ .

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Bích- Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1967. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1965. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà V chung sống với ông Nguyễn Đình Đ từ tháng 10/1988, khi cưới có tình cảm hòa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Lục Nam. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ hay chơi cờ bạc và có quan hệ trai gái bên ngoài về nhà hất hủi đánh đập bà V, có lần đánh bà V phải đi nhập viện điều trị. Vì khi đó do các con còn nhỏ nên bà V cố chịu đựng để nuôi các con, nhưng ông Đ không sửa đổi tính cách và vẫn đánh đập bà. Lần gần đây nhất tháng 5/2023 ông Đ

đánh bà dạn xương ngực nay vẫn chưa khỏi hẳn. Hiện nay bà và ông Đ vẫn chung sống cùng nhà nhưng không ăn chung, ngủ chung và sống ly thân đã nhiều năm nay. Nay bà V xác định tình cảm giữa bà và ông Đ không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bà V trình bày bà và ông Đ có đăng ký kết hôn nhưng do thời gian quá lâu nên không lưu lại được đăng ký kết hôn để nộp cho Tòa án. Nay bà V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1989 và Nguyễn Đình Văn, sinh năm 1991. Nay cả hai con đã trưởng thành và có gia đình riêng, sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì, nếu vợ chồng phải ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đình Đ trình bày: Ông Đ và bà V chung sống với nhau từ năm 1988, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã có 02 con chung. Trong quá trình chung sống hai bên có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn, khi xảy ra mâu thuẫn ông Đ có đánh bà V một vài lần. Ông và bà V đã sống ly thân từ năm 2022, hiện tại mỗi người ở một nhà không ai quan tâm đến ai. Nay ông Đ xác định tình cảm giữa ông và bà V không còn, nếu bà V xin ly hôn là do bà V, còn ông không nhất trí.

Con chung: Ông và bà V có 02 con chung, nay cả hai con đã trưởng thành và có gia đình riêng, nếu phải ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì, nếu vợ chồng phải ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Đình Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội Đ xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội Đ xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227- Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC - VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
Xử:

1- Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Đình Đ.

2- Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3- Tài sản: Không xem xét giải quyết.

4- Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Đình Đ là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã N, huyện Lục Nam. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Đình Đ vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà V và ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo bà Nguyễn Thị V trình bày bà kết hôn với ông Nguyễn Đình Đ từ năm 1988, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Lục Nam. Quá trình chung sống với ông Đ vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ hay chơi cờ bạc và có quan hệ trai gái bên ngoài về nhà hất hủi đánh đập bà V, có lần bị ông Đ đánh phải đi nhập viện điều trị. Hiện nay bà và ông Đ vẫn chung sống cùng nhà nhưng không ăn chung, ngủ chung và sống ly thân đã nhiều năm nay. Nay bà V xác định tình cảm giữa bà và ông Đ không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đ theo quy định của pháp luật. Theo ông Đ trình bày ông và bà V chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống ông và bà V có xảy ra mâu thuẫn và ông có đánh đập bà V. Nay ông Đ xác định tình cảm đã hết nhưng ông không nhất trí ly hôn bà V. Quá trình giải quyết vụ án bà V cho rằng có đăng ký kết hôn nhưng không cung cấp được đăng ký kết hôn cho Tòa án. Căn cứ lời khai của bà V, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã N, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang về việc đăng ký kết hôn giữa bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Đình Đ thì hiện tại UBND xã N, huyện Lục Nam không lưu được hồ sơ, sổ sách về việc đăng ký kết hôn từ năm 1987 đến năm 1998. Như vậy, không có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Đình Đ có đăng ký kết hôn. Bà V và ông Đ chung sống với nhau sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo

quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn... “*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ*”. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.*”

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Căn cứ theo quy định của pháp luật đã viện dẫn ở trên; Hội Đ xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Đình Đ.

[3] Về con chung: Bà V và ông Đ có 02 con chung, nay hai con đã trưởng thành, sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất bà V và ông Đ không yêu cầu nên Hội Đ xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227- Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
Xử:

(1) Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Đình Đ.

(2) Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải nộp 300.000 Đ (*Ba trăm nghìn Đ*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 Đ (*Ba trăm nghìn Đ*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000725 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam. (Xác nhận bà Nguyễn Thị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

(3) Quyền kháng cáo: Báo cho đương các sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- CCTHADS huyện Lục Nam;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Hợp

